TANDHUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THAÍ NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 24/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến.
2. Ông Nguyễn Việt Hưng.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Tuấn, Kiểm sát viên
Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 24/2019/TLST - HS ngày 01/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/QĐXX - ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:
1. Họ và tên: LƯƠNG VĂN B, Sinh ngày 18/9/1982.
Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 0/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bố: Lương Văn N, sinh năm 1952 (*Đã chết*); Mẹ: Hứa Thị K, sinh năm 1955. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Con: có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.
2. Họ và tên: HOÀNG VĂN B1, Sinh ngày: 19/3/1983.
Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bố: Hoàng Văn B, sinh năm 1954 (*Đã chết*). Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1982. Con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014.
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: Năm 2004 có hành vi cố ý gây thương tích, người bị hại rút đơn nên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã ra Quyết định đình chỉ vụ án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN C, Sinh ngày: 13/01/1987.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bố: Nguyễn Văn H, sinh năm 1957; Mẹ: Ngô Thị C, sinh năm 1957. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1988; Con: 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

4. Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH Đ, Sinh ngày: 02/8/1977.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: làm ruộng. Bố: Nguyễn Đình C (*Đã chết*); Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1930. Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ tám. Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1979; Con: có 01 con, sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

5. Họ và tên: HOÀNG VĂN T, Sinh ngày: 09/10/1986.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bố: Hoàng Minh T, sinh năm 1962; Mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1961. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất. Vợ: Đào Thị N, sinh năm 1987; Con: có 01 con, sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

6. Họ và tên: HOÀNG VĂN T1, Sinh ngày: 11/7/1975.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bố: Hoàng Đức Q, sinh năm 1945; Mẹ: Phan Thị T, sinh năm 1944. Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

7. Họ và tên: NGUYỄN VĂN S, Sinh ngày 01/01/1981.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: Xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: làm ruộng. Bố: Nguyễn Văn T (*Đã chết*); Mẹ: Lê Thị N, sinh năm 1948. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1988; Con: có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

**** Người Làm chứng***:

1. Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1980. Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Có Mặt.*

2. Anh Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

*** Người Chứng kiến**: Ông Hoàng Văn Mão, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 25/12/2018 Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã H, huyện Đại Từ làm nhiệm vụ tại khu vực xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện bắt quả tang tại nhà Hoàng Văn T có các đối tượng gồm: Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ đang tham gia chơi đánh bạc bằng hình thức đánh bài tú lơ khơ (*đánh liêng*) được thua bằng tiền.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa, 8.620.000đ *(Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền NHNNVN. Ngoài ra thu giữ trên người của Hoàng Văn T 3.510.000đ (*Ba triệu năm trăm mười nghìn đồng),* của Nguyễn Đình Đ 9000đ *(Chín nghìn đồng),* của Hoàng Văn B1 300.*000đ (Ba trăm nghìn đồng)* tiền NHNNVN. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng cùng vật chứng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận như sau: Khoảng 21 giờ ngày 25/12/2018, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S đến nhà Hoàng Văn T chơi. Sau đó các đối tượng rủ nhau chơi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền tại chiếc chiếu nhựa trải sẵn ở phòng khách nhà T, T đồng ý và chốt cửa nhà lại để cho những người trên đánh bạc. Dụng cụ đánh bạc gồm 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn ở phòng khách nhà T.

Cách thức chơi: một người trong nhóm chia cho mỗi người 03 quân bài, sau đó mỗi người chơi góp 10.000đ (*mười nghìn đồng*) gọi là "gà" rồi những người chơi kiểm tra 03 quân bài được chia và quy ước theo thứ tự: 03 quân bài giống

nhau gọi là "sáp", 03 quân bài liên tiếp nhau gọi là "liêng", 03 quân bài có hình gọi là "ảnh", nếu không ai có "sáp", "liêng", "ảnh" thì cộng 03 quân bài lại tính điểm, cao nhất là 09 điểm (*các quân bài từ 10 đến K quy ước mỗi quân là 0 điểm*). Sau khi xem xong bài người chơi có thể "tố" thêm tiền (*đặt thêm tiền cược*) nhưng không quá 50.000đ, nếu không có ai "tố" thêm thì người chơi đọ bài, ai có bài lớn nhất (*theo thứ tự nêu trên*) thì được ăn tiền "gà" và tiền "tố" thêm. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì Nguyễn Đình Đ và Hoàng Văn B1 đến nhà T thấy đánh bạc nên vào cùng tham gia đánh bạc.

Khi đánh bạc Nguyễn Văn C có 1.500.000đ đánh nhiều ván bạc, Hoàng Văn T1 có 2.000.000đ đánh nhiều ván bạc, Lương Văn B có 1.250.000đ đánh nhiều bán bạc, Hoàng Văn B1 có 1.600.000đ sử dụng 1.300.000đ đánh nhiều ván bạc, còn lại 300.000đ cất trên người, Nguyễn Văn S có 1.150.000đ đánh nhiều ván bạc, Nguyễn Đình Đ có 1.409.000đ đánh nhiều bán bạc, Hoàng Văn T là chủ nhà không tham gia chơi đánh bạc nhưng đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà và ngồi xem đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ và Công an xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Như vậy, số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc bị thu giữ trên chiếu bạc và trên người là 8.629.000đ *(Tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng)*; số tiền các đối tượng không sử dụng đánh bạc (thu giữ trên người Hoàng Văn T và Hoàng Văn B1) là 3.810.000đ *(Ba triệu tám trăm mười nghìn đồng)*.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 30/3/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ phạm tội *"Đánh bạc"*.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc".

Phạt bổ sung các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ từ 10 đến 12 triệu đồng; miễn hình phạt bổ sung cho Lương Văn B. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Đều nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt, cho được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ,

Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.}Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ đều khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 25/12/2018 Hoàng Văn T đã đồng ý để cho Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ, tham gia chơi bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền tại phòng khách nhà T thuộc xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 8.620.000đ *(Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền NHVN, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa là những vật chứng liên quan đến vụ án.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Điều đã phạm tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 321 Bộ luật hình sự.*"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất vụ án và hành vi đánh bạc của các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ thuộc trường hợp ít nguyên trọng.

Về vai trò phạm tội của các bị cáo: Bị cáo T là chủ nhà mặc dù không tham gia trực tiếp đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ tham gia đánh bạc tại nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình đồng thời cũng trực tiếp có các công cụ, phương tiện (*chiếu, bộ bài, vị trí*) để các bị cáo khác đánh bạc nên bị cáo có vai trò đồng phạm cấu thành tội "*Đánh bạc*". Các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ đã chủ động đi đến nhà ở của Hoàng Văn T, sau khi được T đồng ý đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc nên đều cấu thành tội Đánh bạc với vai trò đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo đã làm mất an ninh trật tự công cộng tại địa phương.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* và *"Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lương Văn B thuộc hộ cận nghèo nên có thể xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

{5}. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự hoặc bị xử phạt về hành vi vi phạm pháp luật, (*Trừ bị cáo Hoàng Văn B1*).

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy, cơ bản các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số lượng tiền tham gia đánh bạc không lớn, vừa đủ định lượng cấu thành tội phạm, động cơ, mục đích phạm tội giản đơn. Vì vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét một cách khách quan, toàn diện để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, cần phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung công quỹ nhà nước.

{7}.Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ số tiền: 8.629.000đ *(Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền NHVN;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa;

- Trả lại cho Hoàng Văn T 3.510.000đ (*Ba triệu năm trăm mười nghìn đồng)*, cho Hoàng Văn B1 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, khi Tổ công tác bắt giữ các đối tượng đang đánh bạc tại nhà T còn có hai đối tượng bỏ chạy sau đó đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ khai báo là Ngô Văn T1, sinh năm 1980, trú tại: xóm Đồng Mạc, xã T và Nguyễn Khắc T2, sinh năm: 1988, trú tại: xóm R, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra xác định T1 và T2 đến nhà T chơi không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng**: Khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 (*khoản 2 đối với bị cáo Lương Văn B*) Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015.

- ***Tuyên bố***: Các bị Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ phạm tội "*Đánh bạc*" - ***Xử phạt***

1. bị cáo Hoàng Văn T **12** (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24** (*hai bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. bị cáo Hoàng Văn C **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. bị cáo Hoàng Văn T1 **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. bị cáo Hoàng Văn B1 **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. bị cáo Nguyễn Văn S **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. bị cáo Nguyễn Đình Đ **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. bị cáo Lương Văn B **08** (*tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **16** (*mười sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo có hộ khẩu thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

*** Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321BLHS**.**

Phạt bổ sung: bị cáo Hoàng Văn T 25.000.000đ (*hai mươi lăm*) triệu đồng, các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ, ***mỗi*** bị cáo 15.000.000đ (*mười lăm*) triệu đồng; bị cáo Lương Văn B 10.000.000đ (*mười*) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

* **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

- Tịch thu sung công quỹ số tiền: 8.629.000đ *(Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền NHVN;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa;

- Trả lại cho Hoàng Văn T 3.510.000đ (*Ba triệu năm trăm mười nghìn đồng)*, cho Hoàng Văn B1 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. *(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 20/QĐ - VKSĐT ngày 01/4/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).*

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn B,

Hoàng Văn B1, Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình Đ, ***mỗi*** bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Các bị cáo;
- UBND xã H, T;
- Lưu VT;